



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 9 - 37 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------------|----------------------------|
| Ông Trần Quân Anh | Chủ tịch |
| Ông Đồng Trọng Nghĩa | Thành viên |
| Ông Lê Thanh Vân | Thành viên |
| Ông Trần Văn Thái | Thành viên |
| Ông Huỳnh Văn An | Thành viên |
| Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh | Phụ trách quản trị Công ty |

Ban Kiểm soát

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Nguyễn Thành Nghè | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |
| Ông Quách Kim Long | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Tính | Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |

Ban Giám đốc

| | |
|------------------|---|
| Ông Lê Thanh Vân | Giám đốc |
| Ông Huỳnh Văn An | Phó Giám đốc |
| Ông Bùi Thế Hiền | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2026) |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Vân - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Tỉnh An Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số: 2369/2026/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

6
G
F
K
A
T
C
C
1
A
T
C
H
I
S
A
V
H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VI.3 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp). Việc lợi nhuận đã được phân chia trong khi phần lớn khối lượng phụ phẩm liên quan vẫn chưa được tiêu thụ có thể dẫn đến yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng hiện thực hóa lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

123-
NG
NH
ÁN
NH
I G
TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 165.006.761.087 | 139.636.446.528 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 16.269.066.655 | 10.235.290.174 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.269.066.655 | 4.235.290.174 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 12.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 24.000.000.000 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.11 | 24.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 113.208.037.579 | 111.219.082.780 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 94.700.979.762 | 96.280.776.546 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 1.954.854.537 | 280.354.391 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 25.383.304.594 | 19.836.704.602 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (10.031.101.314) | (6.378.752.759) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 11.382.079.929 | 17.268.688.320 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 14.798.950.145 | 19.933.878.199 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (3.416.870.216) | (2.665.189.879) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 147.576.924 | 913.385.254 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 24.045.000 | - |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 123.531.924 | 913.385.254 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 39.470.137.204 | 38.368.988.028 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 858.633.000 | 858.633.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5 | 858.633.000 | 858.633.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 17.416.917.923 | 14.570.217.150 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 17.416.917.923 | 14.570.217.150 |
| - Nguyên giá | 222 | | 49.351.754.638 | 43.984.198.826 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (31.934.836.715) | (29.413.981.676) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 65.000.000 | 65.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (65.000.000) | (65.000.000) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 735.582.042 | 520.600.000 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 735.582.042 | 520.600.000 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.11 | 16.395.175.182 | 19.020.871.749 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 14.584.859.059 | 14.584.859.059 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 7.956.213.357 | 7.956.213.357 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (6.145.897.234) | (3.520.200.667) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.063.829.057 | 3.398.666.129 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 1.374.234.751 | 1.589.877.601 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 2.689.594.306 | 1.808.788.528 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 204.476.898.291 | 178.005.434.556 |
| (270 = 100 + 200) | | | | |



HỌ TÊN: ...

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 61.329.247.295 | 53.495.743.230 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 61.329.247.295 | 53.495.743.230 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 17.515.280.839 | 18.377.216.801 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 716.234.254 | 3.200.483.380 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 4.280.916.592 | 3.663.834.532 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.182.488.263 | 1.215.678.750 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 5.441.688.467 | 3.241.508.289 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 9.971.143.023 | 9.965.930.073 |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.19 | 1.722.496.418 | 2.173.891.756 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 19.498.999.439 | 11.657.199.649 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 143.147.650.996 | 124.509.691.326 |
| I. Vốn chủ sở hữu: | 410 | V.21 | 143.075.115.093 | 124.437.155.423 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 32.864.040.000 | 32.864.040.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 32.864.040.000 | 32.864.040.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 18.148.085.349 | 18.148.085.349 |
| 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 3.345.401.587 | 3.345.401.587 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 88.717.588.157 | 70.079.628.487 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước | 421a | | 35.926.409.240 | 52.698.349.857 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 52.791.178.917 | 17.381.278.630 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 72.535.903 | 72.535.903 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 72.535.903 | 72.535.903 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 204.476.898.291 | 178.005.434.556 |


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 146.317.654.766 | 150.026.733.498 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02) | 10 | VI.1 | 146.317.654.766 | 150.026.733.498 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 130.009.134.023 | 132.714.257.248 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 16.308.520.743 | 17.312.476.250 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 67.570.969.664 | 23.265.786.254 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.828.061.415 | 2.272.816.015 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 9.254.768 | 227.541.431 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 920.161.268 | 649.119.979 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 13.817.579.739 | 14.561.098.317 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)] | 30 | | 66.313.687.985 | 23.095.228.193 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 457.898.566 | 5 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 127.602.918 | 186.114.544 |
| 13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 330.295.648 | (186.114.539) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 66.643.983.633 | 22.909.113.654 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.7 | 1.292.777.760 | 878.937.507 |
| 16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.13 | (880.805.778) | (407.819.471) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 66.232.011.651 | 22.437.995.618 |


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 66.643.983.633 | 22.909.113.654 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 2.942.061.872 | 2.230.361.958 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 7.029.725.459 | 4.078.956.127 |
| Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 54.520 | (2.307.241) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (67.535.784.229) | (23.221.447.610) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 9.254.768 | 227.541.431 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 9.089.296.023 | 6.222.218.319 |
| Giảm/(Tăng) các khoản phải thu | 09 | 1.738.011.441 | (28.747.387.189) |
| Giảm hàng tồn kho | 10 | 5.134.928.054 | 5.868.175.141 |
| (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (401.549.912) | 1.557.941.694 |
| Giảm chi phí trả trước | 12 | 287.576.070 | 276.870.620 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (9.254.768) | (227.541.431) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (899.523.573) | (1.891.102.411) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (6.888.212.191) | (4.603.322.038) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 8.051.271.144 | (21.544.147.295) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (6.099.722.907) | (991.533.932) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (24.000.000.000) | - |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 29.000.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 60.946.322.764 | 11.768.637.342 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 30.846.599.857 | 39.777.103.410 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 3.564.666.655 | 21.998.744.705 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (3.564.666.655) | (21.998.744.705) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (32.864.040.000) | (16.432.020.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (32.864.040.000) | (19.432.020.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 6.033.831.001 | (1.199.063.885) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 10.235.290.174 | 11.432.046.818 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (54.520) | 2.307.241 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 16.269.066.655 | 10.235.290.174 |


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cơ khí An Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần điều chỉnh trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc cập nhật địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang (trước đây là phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 130 người và 133 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty hiện đang đầu tư vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

| | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích (%) | Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%) | Hoạt động chính |
|---|----------------------------|-------------------|------------------------------|---|
| Công ty con | | | | |
| 1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | Tỉnh An Giang | 100% | 100% | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ |
| 2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | Tỉnh An Giang | 100% | 100% | Sản xuất các cấu kiện kim loại |
| Công ty liên doanh | | | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang (tên công ty viết tắt là "Công ty TNHH Liên doanh Antraco") (i) | Tỉnh An Giang | 50% | 49% | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét |

(i) Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã được gia hạn quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng đến ngày 26 tháng 6 năm 2027 theo Quyết định số 411/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan. Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Thông tư 99 chưa được áp dụng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 30 |
| Máy móc thiết bị | 5 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 5 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản đồng kiểm soát** (tiếp theo)

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận được chia trong năm của Công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết dưới đây*).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 74.865.074 | 167.639.030 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.194.201.581 | 4.067.651.144 |
| Các khoản tương đương tiền | 12.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Cộng | 16.269.066.655 | 10.235.290.174 |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thành Luân 68 | 19.119.141.700 | |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | 5.687.944.852 | 9.576.616.812 |
| Công ty Cổ phần Kiến Thành Phú Quốc | 3.235.437.290 | 11.419.097.874 |
| Các đối tượng khác | 66.658.455.920 | 75.285.061.860 |
| Cộng | 94.700.979.762 | 96.280.776.546 |

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Xem thuyết minh VII.1)

| | |
|---------------|----------------|
| 5.687.944.852 | 10.046.656.812 |
|---------------|----------------|

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|----------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ | 1.172.568.672 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn 620 | 319.560.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng TMDV Hồng Nhung | - | 120.000.000 |
| Các đối tượng khác | 462.725.865 | 160.354.391 |
| Cộng | 1.954.854.537 | 280.354.391 |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản phải thu về cho vay thể hiện khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên - Công ty con của Công ty. Khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định (xem thêm tại thuyết minh V.6)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh | 23.560.306.803 | 17.004.459.590 |
| Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ | 1.155.556.723 | 1.678.685.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 667.441.068 | 1.153.560.012 |
| Cộng | 25.383.304.594 | 19.836.704.602 |
| b. Dài hạn | | |
| Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ | 858.633.000 | 858.633.000 |
| Tổng cộng | 26.241.937.594 | 20.695.337.602 |
| Trong đó, phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1) | 23.560.306.803 | 17.589.611.869 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 25.332.639.784 | 16.141.538.470 | (9.191.101.314) | 11.781.908.025 | 6.003.155.266 | (5.778.752.759) |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 1.200.000.000 | 360.000.000 | (840.000.000) | 1.200.000.000 | 600.000.000 | (600.000.000) |
| Cộng | 26.532.639.784 | 16.501.538.470 | (10.031.101.314) | 12.981.908.025 | 6.603.155.266 | (6.378.752.759) |

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (6.378.752.759) | (5.098.150.413) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (3.652.348.555) | (1.280.602.346) |
| Số dư cuối năm | (10.031.101.314) | (6.378.752.759) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.466.157.685 | (69.326.334) | 7.383.912.122 | (69.326.334) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.649.754.341 | - | 8.509.343.857 | - |
| Thành phẩm | 1.390.712.734 | (1.095.441.853) | 1.633.890.015 | (1.053.612.927) |
| Hàng hóa | 2.292.325.385 | (2.252.102.029) | 2.406.732.205 | (1.542.250.618) |
| Cộng | 14.798.950.145 | (3.416.870.216) | 19.933.878.199 | (2.665.189.879) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (2.665.189.879) | (1.906.694.872) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (751.680.337) | (758.495.007) |
| Số dư cuối năm | (3.416.870.216) | (2.665.189.879) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 17.320.171.398 | 21.471.029.050 | 5.090.472.014 | 102.526.364 | 43.984.198.826 |
| Mua tài sản trong năm | - | 1.448.634.889 | - | - | 1.448.634.889 |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | 3.821.978.040 | 602.391.082 | - | - | 4.424.369.122 |
| Giảm trong năm | - | (505.448.199) | - | - | (505.448.199) |
| Số dư cuối năm | 21.142.149.438 | 23.016.606.822 | 5.090.472.014 | 102.526.364 | 49.351.754.638 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 11.723.792.881 | 13.554.434.751 | 4.060.094.347 | 75.659.697 | 29.413.981.676 |
| Khấu hao trong năm | 1.366.590.062 | 1.397.784.225 | 161.567.585 | 16.120.000 | 2.942.061.872 |
| Giảm trong năm | - | (421.206.833) | - | - | (421.206.833) |
| Số dư cuối năm | 13.090.382.943 | 14.531.012.143 | 4.221.661.932 | 91.779.697 | 31.934.836.715 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.596.378.517 | 7.916.594.299 | 1.030.377.667 | 26.866.667 | 14.570.217.150 |
| Số dư cuối năm | 8.051.766.495 | 8.485.594.679 | 868.810.082 | 10.746.667 | 17.416.917.923 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 14.375.822.732 đồng và 12.922.869.364 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức | 520.600.000 | 520.600.000 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác | 214.982.042 | - |
| Cộng | 735.582.042 | 520.600.000 |

TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 o năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | 10.000.000.000 | (5.107.225.461) | 10.000.000.000 | (2.721.034.921) |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | 4.584.859.059 | (1.038.671.773) | 4.584.859.059 | (799.165.746) |
| Cộng | 14.584.859.059 | (6.145.897.234) | 14.584.859.059 | (3.520.200.667) |

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (3.520.200.667) | (1.480.341.893) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (2.625.696.567) | (2.039.858.774) |
| Số dư cuối năm | (6.145.897.234) | (3.520.200.667) |

Đầu tư vào công ty liên doanh

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | 7.956.213.357 | - | 7.956.213.357 | - |

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)**c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 24.000.000.000 | - |

12. Chi phí trả trước

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 24.045.000 | - |
| b. Dài hạn | | |
| Chi phí giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (i) | 1.041.666.666 | 1.250.000.000 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 191.518.586 | 173.639.898 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 141.049.499 | 166.237.703 |
| Cộng | 1.374.234.751 | 1.589.877.601 |
| Tổng cộng | 1.398.279.751 | 1.589.877.601 |

(i) Số dư thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

| | Các khoản dự phòng VND |
|---|---------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 1.400.969.057 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | (407.819.471) |
| Số dư đầu năm nay | 1.808.788.528 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | (880.805.778) |
| Số dư cuối năm nay | 2.689.594.306 |

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý, hiện được ước tính ở mức 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả người bán đồng thời cũng là giá trị có khả năng thanh toán. Chi tiết như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thép Nam Phát | 4.403.733.293 | 2.140.661.321 |
| Công ty Cổ phần Kim khí Bình Dương | 3.499.601.215 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phát | - | 4.858.555.955 |
| Các đối tượng khác | 9.611.946.331 | 11.377.999.525 |
| Cộng | 17.515.280.839 | 18.377.216.801 |
| Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1) | - | 1.061.859.575 |

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Văn Duẩn | 200.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Phương Thanh | 126.800.000 | 67.000.000 |
| Công ty TNHH Xây xát Sản xuất Thanh Phong | 100.000.000 | - |
| Công ty CP Công trình Cầu Phà TPHCM | 98.365.770 | 104.424.240 |
| Công ty TNHH Vietsun Pacific | - | 660.000.000 |
| Japan Insulation Co., Ltd. | - | 633.792.150 |
| Công ty TNHH Sao Vàng | - | 486.552.000 |
| Các đối tượng khác | 191.068.484 | 1.353.139.230 |
| Cộng | 716.234.254 | 3.200.483.380 |

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Số cuối năm VND |
|---|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| a. Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 21.179.313 | 1.232.534.170 | 1.268.959.261 | 57.604.404 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 892.205.941 | 1.785.596.427 | 959.318.006 | 65.927.520 |
| Cộng | 913.385.254 | 3.018.130.597 | 2.228.277.267 | 123.531.924 |
| b. Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 3.564.310.959 | 4.154.412.978 | 3.930.585.105 | 3.788.138.832 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 99.523.573 | 1.292.777.760 | 899.523.573 | 492.777.760 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 5.501.409 | 5.501.409 | - |
| Cộng | 3.663.834.532 | 5.452.692.147 | 4.835.610.087 | 4.280.916.592 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí sản xuất, thi công công trình | 5.386.688.467 | 3.190.008.289 |
| Chi phí phải trả khác | 55.000.000 | 51.500.000 |
| Cộng | 5.441.688.467 | 3.241.508.289 |

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả về cổ phần hoá | 7.134.811.183 | 7.134.811.183 |
| Tiền sử dụng đất phải nộp lại Nhà nước | 2.370.727.402 | 2.370.727.402 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 465.604.438 | 460.391.488 |
| Cộng | 9.971.143.023 | 9.965.930.073 |
| Trong đó, phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1) | 54.000.000 | 54.000.000 |

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | Dự phòng bảo hành sản phẩm, công trình VND |
|--------------------------------------|--|
| Số dư đầu năm | 2.173.891.756 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 912.190.115 |
| Hoàn nhập dự phòng | (457.896.366) |
| Các khoản dự phòng đã sử dụng | (905.689.087) |
| Số dư cuối năm | 1.722.496.418 |

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 19.098.999.439 | 11.357.199.649 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty | 400.000.000 | 300.000.000 |
| Cộng | 19.498.999.439 | 11.657.199.649 |

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 11.657.199.649 | 9.043.945.278 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm trước | 1.289.179.247 | 2.159.859.421 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm nay | 13.440.832.734 | 5.056.716.988 |
| Quỹ thưởng từ Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh An Giang | 7.020.000 | - |
| Quỹ thưởng từ Tổng Công ty | - | 95.400.000 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (6.895.232.191) | (4.698.722.038) |
| Số dư cuối năm | 19.498.999.439 | 11.657.199.649 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Cộng VND |
|---|----------------------------------|---------------------------------|---|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 32.864.040.000 | 18.148.085.349 | 3.345.401.587 | 73.346.920.317 | 127.704.447.253 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 22.437.995.618 | 22.437.995.618 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (16.432.020.000) | (16.432.020.000) |
| Trích thưởng Ban điều hành | - | - | - | (400.000.000) | (400.000.000) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (6.816.576.409) | (6.816.576.409) |
| Trích lập tiền sử dụng đất phải nộp lại | - | - | - | (2.056.691.039) | (2.056.691.039) |
| Số dư đầu năm nay | 32.864.040.000 | 18.148.085.349 | 3.345.401.587 | 70.079.628.487 | 124.437.155.423 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 66.232.011.651 | 66.232.011.651 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (32.864.040.000) | (32.864.040.000) |
| Trích thưởng Ban điều hành (i) | - | - | - | (500.000.000) | (500.000.000) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | - | - | - | (14.230.011.981) | (14.230.011.981) |
| Số dư cuối năm nay | 32.864.040.000 | 18.148.085.349 | 3.345.401.587 | 88.717.588.157 | 143.075.115.093 |

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi bao gồm 1.189.179.247 đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 13.040.832.734 đồng được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành bao gồm 100 triệu đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 400 triệu đồng tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

| | Số cuối năm Cổ phiếu | Số đầu năm Cổ phiếu |
|--|-------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.286.404 | 3.286.404 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng | 3.286.404 | 3.286.404 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 3.286.404 | 3.286.404 |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.286.404 | 3.286.404 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 3.286.404 | 3.286.404 |
| Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu | | |

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 100% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 32.864.040.000 đồng. Toàn bộ giá trị cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 50% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 100.834.012.314 | 39.762.657.657 |
| Doanh thu xây dựng các loại cầu | 33.787.627.279 | 102.967.058.727 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 6.269.825.873 | 4.598.495.745 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5.426.189.300 | 2.698.521.369 |
| Cộng | 146.317.654.766 | 150.026.733.498 |

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan
(xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2)

| | |
|---------------|---------------|
| 2.465.849.889 | 5.974.868.628 |
|---------------|---------------|

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán thành phẩm | 89.544.572.254 | 34.205.758.630 |
| Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu | 32.241.945.216 | 93.250.639.996 |
| Giá vốn bán hàng hóa | 5.915.434.592 | 4.184.576.748 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 1.555.501.624 | 314.786.867 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 751.680.337 | 758.495.007 |
| Cộng | 130.009.134.023 | 132.714.257.248 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco (i) | 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 610.404.474 | 1.216.988.020 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 35.185.435 | 42.031.403 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | - | 2.307.241 |
| Cộng | 67.570.969.664 | 23.265.786.254 |
| Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.1) | 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |

(i) Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco bao gồm 60.560.306.803 đồng được chia từ lợi nhuận năm 2025 và 6.365.072.952 đồng được chia từ lợi nhuận năm 2024. Trong năm 2024, Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tầng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tầng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp).

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Trích lập dự phòng đầu tư tài chính | 2.625.696.567 | 2.039.858.774 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 193.055.560 | 5.415.810 |
| Chi phí lãi vay | 9.254.768 | 227.541.431 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | 54.520 | - |
| Cộng | 2.828.061.415 | 2.272.816.015 |

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí hoa hồng bán hàng | 313.500.000 | 120.580.000 |
| Chi phí vận chuyển, thử tải | 180.232.403 | 528.539.979 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 426.428.865 | - |
| Cộng | 920.161.268 | 649.119.979 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.927.526.037 | 7.202.641.529 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 18.805.051 | 240.990.596 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 443.418.836 | 451.533.868 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Tiền thuê đất | 939.492.331 | 3.663.411.250 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 3.652.348.555 | 1.280.602.346 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.225.481.026 | 1.473.870.669 |
| Chi phí bằng tiền khác | 607.507.903 | 245.048.059 |
| Cộng | 13.817.579.739 | 14.561.098.317 |

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 66.643.983.633 | 22.909.113.654 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Cộng: Các khoản chi phí không được trừ | 6.182.317.318 | 3.490.033.472 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác | 562.967.604 | - |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (66.925.379.755) | (22.004.459.590) |
| Thu nhập chịu thuế | 6.463.888.800 | 4.394.687.536 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.292.777.760 | 878.937.507 |

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 113.461.412.208 | 106.637.788.448 |
| Chi phí nhân công | 17.739.981.913 | 17.513.123.217 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.847.062.642 | 2.110.090.318 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.803.057.420 | 7.047.233.724 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.815.945.100 | 2.610.448.270 |
| Cộng | 143.667.459.283 | 135.918.683.977 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|------------------------------|
| Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP | Cổ đồng có ảnh hưởng đáng kể |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | Công ty con |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | Công ty liên doanh |
| Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | 1.982.780.000 | 5.791.597.516 |
| Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên | 483.069.889 | 183.271.112 |
| Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ từ bên liên quan | 2.465.849.889 | 5.974.868.628 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Công ty TNHH Liên Doanh Antraco | 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------|------------------|
| Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP | | |
| Chia cổ tức | 15.580.720.000 | 7.790.360.000 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | | |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 1.895.247.993 | 3.286.475.314 |
| Bán hàng hóa, dịch vụ | 483.069.889 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | | |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 3.038.990.740 | 3.159.848.762 |
| Bán hàng hóa, dịch vụ | 1.982.780.000 | - |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | | |
| Mua hàng hóa | - | 203.184.400 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | 5.687.944.852 | 9.576.616.812 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | - | 470.040.000 |
| Cộng | 5.687.944.852 | 10.046.656.812 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:** (tiếp theo)

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| Phải thu khác | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | 23.560.306.803 | 17.004.459.590 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | - | 585.152.279 |
| Cộng | 23.560.306.803 | 17.589.611.869 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | - | 535.859.575 |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | - | 526.000.000 |
| Cộng | - | 1.061.859.575 |
| Phải trả ngắn hạn khác | | |
| Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên | 54.000.000 | 54.000.000 |

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Hội đồng Quản trị | | | |
| Ông Trần Quân Anh | Chủ tịch | 60.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Đồng Trọng Nghĩa | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Lê Thanh Vân | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Trần Văn Thái | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn An | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh | Phụ trách quản trị Công ty | 30.000.000 | 18.000.000 |
| Cộng | | 282.000.000 | 210.000.000 |

Ban Kiểm soát

| | | | |
|-----------------------|---|--------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Thành Nghè | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 33.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Quách Kim Long | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 40.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Thành viên | 30.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Tính | Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 5.000.000 | - |
| Cộng | | 108.000.000 | 72.000.000 |

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------|--------------|----------------------|----------------------|
| Ông Lê Thanh Vân | Giám đốc | 806.097.636 | 759.745.091 |
| Ông Huỳnh Văn An | Phó Giám đốc | 514.965.000 | 488.737.182 |
| Cộng | | 1.321.062.636 | 1.248.482.273 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Các cam kết****Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm | 1.769.276.853 | 6.400.654.743 |
| Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau: | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Trong vòng một năm | 4.423.194.064 | 1.769.276.853 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 23.686.514.961 | 21.675.471.997 |
| Sau năm năm | 1.504.472.308 | 6.446.933.333 |
| Cộng | 29.614.181.332 | 29.891.682.183 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m2 đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m2 đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m2 đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m2 đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

Cam kết không hủy ngang khác

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty hiện đang trong quá trình làm việc với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền bị truy thu với giá trị ước tính 2,2 tỷ đồng từ sử dụng một phần diện tích đất thuê của Nhà Nước chưa đúng mục đích. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước. Để đảm bảo việc thanh toán cho nghĩa vụ này, Công ty đã tiến hành trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 2.056.691.039 đồng trong năm 2024 và đã được cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

4. Báo cáo bộ phận


Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.


5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính và đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Văn phòng **CÔNG TY**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

☎ (024) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh **SÀI GÒN**

Tầng 4, Tòa nhà Hải Âu TIC
Số 39B Trường Sơn, P. Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

☎ (028) 3547 2323

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh **MIỀN TRUNG**

Tầng 2, Số NP2-14
Đại lộ Nguyễn Hoàng, P. Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

☎ (0237) 375 8959

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh **THÀNH CÔNG**

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt
Số 8 Đường V.I Lê Nin, P. Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

☎ (0238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

HEAD Office

15th floor, Center Building – Hapulico Complex
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Ward, Ha Noi City

☎ (+ 84 24) 6664 2777

☎ (+ 84 24) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th floor, Hai Au TIC Building
39B Truong Son, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City

☎ (+ 84 28) 7303 2007

☎ (+ 84 28) 3547 2323

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

2nd floor, No. NP2-14
Nguyen Hoang Boulevard, Hac Thanh Ward, Thanh Hoa Province

☎ (+ 84 237) 375 8959

☎ (+ 84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

THANH CONG Branch

2nd floor, Nha Viet Building
8 V.I Lenin Street, Vinh Phu Ward, Nghe An Province

☎ (+ 84 238) 268 2888

☎ (+ 84 238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

www.icpa.vn